

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 26&27/7/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Người nhận chứng chỉ (Ký và ghi rõ họ tên)
							Lý thuyết	Thực hành			
1	Phạm Thái An	Nam	15/11/2003	Nghệ An	Kinh	040203005288	7.0	8.5	1784/QĐ355/2026	TH016675	
2	Trần Ngọc Bảo Châu	Nữ	26/7/2004	Nghệ An	Thái	040304011160	6.7	9.0	1785/QĐ355/2026	TH016676	
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	07/5/1995	Nghệ An	Kinh	040195002673	6.3	6.5	1786/QĐ355/2026	TH016677	
4	Nguyễn Hồng Hạnh	Nữ	17/4/1987	Hà Tĩnh	Kinh	042187015518	6.7	7.5	1787/QĐ355/2026	TH016678	
5	Lê Thị Hiền	Nữ	10/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304020623	7.3	8.5	1788/QĐ355/2026	TH016679	
6	Lê Thị Thanh Hương	Nữ	25/01/2002	Hà Tĩnh	Kinh	042302003251	7.3	8.5	1789/QĐ355/2026	TH016680	
7	Trương Thị Hương	Nữ	20/01/1984	Hà Tĩnh	Kinh	042184002091	6.3	9.0	1790/QĐ355/2026	TH016681	
8	Hà Thị Lành	Nữ	07/6/1992	Nghệ An	Thái	040192003476	8.0	7.5	1791/QĐ355/2026	TH016682	
9	Võ Khánh Linh	Nữ	16/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304002469	7.7	9.0	1792/QĐ355/2026	TH016683	
10	Dương Đức Mạnh	Nam	27/8/2004	Nghệ An	Kinh	040204024205	6.3	5.5	1793/QĐ355/2026	TH016684	
11	Hà Thị Ngọc	Nữ	07/02/2002	Nghệ An	Kinh	034302014806	6.7	8.5	1794/QĐ355/2026	TH016685	
12	Hà Thị Nguyệt	Nữ	17/01/2004	Thanh Hóa	Thái	038304007936	5.0	7.0	1795/QĐ355/2026	TH016686	
13	Kim Thị Hồng Nhung	Nữ	23/02/1990	Nghệ An	Thái	040190008106	7.3	7.5	1796/QĐ355/2026	TH016687	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Người nhận chứng chỉ (Ký và ghi rõ họ tên)
							Lý thuyết	Thực hành			
14	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	10/12/1986	Nghệ An	Kinh	040186035501	6.0	9.0	1797/QĐ355/2026	TH016688	
15	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	02/01/1999	Nghệ An	Kinh	040199018860	7.0	8.5	1798/QĐ355/2026	TH016689	
16	Đặng Thị Thu	Nữ	28/7/1987	Nghệ An	Kinh	040187023439	6.7	9.0	1799/QĐ355/2026	TH016690	
17	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	14/11/1998	Nghệ An	Kinh	040198003051	5.0	8.5	1800/QĐ355/2026	TH016691	
18	Vi Thị Bích Trang	Nữ	28/11/1997	Nghệ An	Thái	040197013016	6.7	8.5	1801/QĐ355/2026	TH016692	
19	Vũ Xuân Tuấn	Nam	20/6/1991	Nghệ An	Kinh	040091021286	7.0	7.5	1802/QĐ355/2026	TH016693	
20	Phạm Trung Tuyên	Nam	18/6/1991	Nghệ An	Kinh	040091031495	6.0	7.0	1803/QĐ355/2026	TH016694	
21	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	20/4/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303000335	7.0	8.0	1804/QĐ355/2026	TH016695	
22	Nguyễn Phương Anh	Nữ	12/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304008045	6.3	8.5	1805/QĐ355/2026	TH016696	
23	Hồ Thị Ngọc Ánh	Nữ	15/6/2003	Nghệ An	Kinh	040303013540	6.3	8.5	1806/QĐ355/2026	TH016697	
24	Nguyễn Tuấn Cảnh	Nam	15/9/2002	Thanh Hóa	Kinh	038202014053	7.0	9.0	1807/QĐ355/2026	TH016698	
25	Võ Hoàn Châu	Nam	03/02/2003	Nghệ An	Kinh	040203027084	8.3	8.0	1808/QĐ355/2026	TH016699	
26	Vi Minh Đức	Nam	05/3/2003	Nghệ An	Thái	040203001984	7.0	6.5	1809/QĐ355/2026	TH016700	
27	Lưu Thị Nam Giang	Nữ	01/01/2006	Nghệ An	Kinh	040306006083	6.0	8.5	1810/QĐ355/2026	TH016701	
28	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	20/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304017298	7.0	7.5	1811/QĐ355/2026	TH016702	
29	Trương Thị Ngọc Mai	Nữ	13/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304006897	5.0	6.5	1812/QĐ355/2026	TH016703	
30	Nguyễn Ngọc Trà My	Nữ	10/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304009246	6.7	8.5	1813/QĐ355/2026	TH016704	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Người nhận chứng chỉ (Ký và ghi rõ họ tên)
							Lý thuyết	Thực hành			
31	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	28/01/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303013227	6.7	8.0	1814/QĐ355/2026	TH016705	
32	Hoàng Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304003794	6.7	8.0	1815/QĐ355/2026	TH016706	
33	Trần Thị Thảo Nguyên	Nữ	13/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304024731	6.7	8.5	1816/QĐ355/2026	TH016707	
34	Lê Thị Yến Nhi	Nữ	13/8/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303006001	6.7	9.0	1817/QĐ355/2026	TH016708	
35	Nguyễn Thị Hà Tâm	Nữ	15/4/2002	Hà Tĩnh	Kinh	042302007765	7.7	7.5	1818/QĐ355/2026	TH016709	
36	Lê Thị Thắm	Nữ	02/7/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304006777	5.7	7.0	1819/QĐ355/2026	TH016710	
37	Nguyễn Hà Thương	Nữ	02/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304005881	6.7	8.5	1820/QĐ355/2026	TH016711	
38	Nguyễn Thanh Trà	Nữ	02/02/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303006049	5.7	8.0	1821/QĐ355/2026	TH016712	
39	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	09/02/2000	Nghệ An	Kinh	040300022104	5.0	8.5	1822/QĐ355/2026	TH016713	
40	Lê Khánh Vân	Nữ	23/11/2005	Nghệ An	Kinh	040305015433	5.0	8.0	1823/QĐ355/2026	TH016714	
41	Phan Thị Phương Anh	Nữ	26/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304019802	5.3	5.5	1824/QĐ355/2026	TH016715	
42	Trương Văn Bình	Nam	22/02/2004	Thanh Hóa	Mường	038204027433	5.7	7.5	1825/QĐ355/2026	TH016716	
43	Ngô Trí Cường	Nam	12/12/2002	Nghệ An	Kinh	040202019200	7.3	8.5	1826/QĐ355/2026	TH016717	
44	Lê Thị Hậu	Nữ	25/7/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304005563	6.7	7.5	1827/QĐ355/2026	TH016718	
45	Trần Văn Hùng	Nam	05/4/1989	Nghệ An	Kinh	040089004673	5.0	6.5	1828/QĐ355/2026	TH016719	
46	Hà Trung Huy	Nam	25/5/2004	Thanh Hóa	Thái	038204007860	6.0	7.5	1829/QĐ355/2026	TH016720	
47	Lê Thị Liên	Nữ	01/3/1993	Nghệ An	Kinh	040193022114	6.0	7.0	1830/QĐ355/2026	TH016721	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Người nhận chứng chỉ (Ký và ghi rõ họ tên)
							Lý thuyết	Thực hành			
48	Hồ Thùy Linh	Nữ	18/12/2003	Nghệ An	Kinh	040303008574	5.3	7.0	1831/QĐ355/2026	TH016722	
49	Bùi Thị Cẩm Ly	Nữ	15/5/2004	Nghệ An	Kinh	040304020492	5.3	7.5	1832/QĐ355/2026	TH016723	
50	Hoàng Thị Trà My	Nữ	29/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304017870	5.3	6.5	1833/QĐ355/2026	TH016724	
51	Đặng Kim Oanh	Nữ	10/9/1998	Nghệ An	Kinh	040198014579	7.0	6.5	1834/QĐ355/2026	TH016725	
52	Vi Thị Ánh Thơ	Nữ	16/7/2004	Nghệ An	Thái	040304026584	5.0	7.0	1835/QĐ355/2026	TH016726	
53	Phạm Thị Thủy	Nữ	22/6/1991	Nghệ An	Kinh	040191020528	6.7	8.0	1836/QĐ355/2026	TH016727	
54	Hồ Thị Tình	Nữ	16/12/1987	Nghệ An	Kinh	040187019033	5.0	8.0	1837/QĐ355/2026	TH016728	
55	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	07/6/1991	Nghệ An	Kinh	040191004769	5.7	8.0	1838/QĐ355/2026	TH016729	
56	Đặng Nguyễn Phương Uyên	Nữ	19/5/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303004123	5.3	8.0	1839/QĐ355/2026	TH016730	
57	Trần Cao Vũ	Nam	15/02/2003	Nghệ An	Kinh	040203003224	8.0	8.5	1840/QĐ355/2026	TH016731	
58	Nguyễn Khánh Vy	Nữ	11/4/1997	Hà Tĩnh	Kinh	042197003356	6.0	8.0	1841/QĐ355/2026	TH016732	

**Ngày
nhận**

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]